

## KINH HẠNH NGUYỄN PHỔ HIỀN

(trích từ Kinh Hoa Nghiêm)

Tam tạng pháp sư Bát Nhã, người nước Kế-tân,  
dịch từ Phạn văn ra Hán văn, tại Trung-quốc, vào đời Đường  
Cư sĩ Hạnh Cơ dịch từ Hán văn ra Việt văn,  
giới thiệu và chú thích, tại Gia-nã-đại, năm 2005

---o0o---

***Nguồn***

***www.quangduc.com***

***Chuyển sang ebook 18 – 8 - 2009***

***Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com***

***Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>***

### Mục Lục

## GIỚI THIỆU

“Hạnh Nguyễn Phổ Hiền” (Phổ Hiền Hạnh Nguyễn) vốn không phải là một phẩm kinh riêng biệt, mà chỉ là phần chót (quyển 40) của bộ kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm, gồm 40 quyển. Bộ kinh này có tên đầy đủ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyễn Phẩm, cũng gọi là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyễn Phẩm, hay chỉ gọi tắt là Phổ Hiền Hạnh Nguyễn Phẩm; được thu vào bộ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (gọi tắt là tạng Đại Chánh), tập 10, mang số 293. Bộ kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm chỉ có một phẩm, mang tên “Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyễn Phẩm”, được chia ra làm 40 quyển; và đoạn kinh được gọi là “Phổ Hiền Hạnh Nguyễn” này chính là nội dung của toàn quyển 40 như vừa nói trên.

Kinh Hoa Nghiêm gồm có ba bản dịch:

1) Bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, cũng gọi là Cựu Hoa Nghiêm Kinh, và thường được gọi là Lục Thập Hoa Nghiêm Kinh, được thu

vào tạng Đại Chánh, tập 9, mang số 278 (từ trang 395 đến trang 788), gồm 60 quyển, do ngài Phật Đà Bạt Đà La (người nước Thiên-trúc) dịch tại kinh đô Kiến-khang, vào thời Đông-Tấn (317-420). Bộ này chưa được đầy đủ.

2) Bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, được gọi là Tân Hoa Nghiêm Kinh, và thường được gọi là Bát Thập Hoa Nghiêm Kinh, được thu vào tạng Đại Chánh, tập 10, mang số 279 (từ trang 1 đến trang 444), gồm 80 quyển, do ngài Thật Xoa Nan Đà (người nước Vu-điền) dịch tại kinh đô Lạc-dương, dưới thời nữ hoàng Vũ Tắc Thiên (624-705). Bộ này đầy đủ hơn bộ trên, nhưng vẫn chưa trọn vẹn.

3) Bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Bất Tur Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, thường được gọi là Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh, được thu vào tạng Đại Chánh, tập 10, mang số 293 (từ trang 661 đến trang 848), gồm 40 quyển, do ngài Bát Nhã (người nước Kế-tân) dịch tại kinh đô Trường-an, dưới triều vua Đường Đức-tông (780-805).

Trong 3 bộ kinh trên, bộ Lục Thập Hoa Nghiêm có 34 phẩm; bộ Bát Thập Hoa Nghiêm có 39 phẩm; còn bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm thì chỉ có 1 phẩm, đó là phẩm “Nhập Bất Tur Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên”. Phẩm này cũng thấy có trong hai bộ kinh Hoa Nghiêm trên: trong bộ Lục Thập Hoa Nghiêm, nó là phẩm cuối cùng, tức phẩm 34, có tên là “Nhập Pháp Giới Phẩm”, bao gồm từ quyển 44 đến quyển 60; trong bộ Bát Thập Hoa Nghiêm, nó cũng là phẩm cuối cùng, tức phẩm 39, cũng có tên là “Nhập Pháp Giới Phẩm”, bao gồm từ quyển 60 đến quyển 80. Xét ra, phẩm “Nhập Bất Tur Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên” trong bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, dù được gọi tên khác với phẩm “Nhập Pháp Giới” trong hai bộ Lục Thập và Bát Thập Hoa Nghiêm, nhưng nội dung của chúng thì không khác nhau bao nhiêu; chỉ có một điều đặc biệt: Ở phần cuối của phẩm “Nhập Bất Tur Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên” trong bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm có thêm đoạn kinh được gọi là “Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm” (cũng gọi là “Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm”), mà trong phẩm “Nhập Pháp Giới” ở hai bộ Lục Thập và Bát Thập Hoa Nghiêm không có. Trong bộ Lục Thập Hoa Nghiêm có phẩm “Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh” (phẩm 31), và trong bộ Bát Thập Hoa Nghiêm có phẩm “Phổ Hiền Hạnh” (phẩm 36), nhưng nội dung của cả hai phẩm ấy đều không tương đồng với phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên ở đây.

Như vậy, phẩm “Phổ Hiền Hạnh Nguyên” này vốn không có tên riêng, vì không phải là một phẩm riêng biệt. Nhưng nó đã chiếm trọn một quyển 40, tức quyển cuối cùng của bộ kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm. Bộ kinh này, sau khi ngài Bát Nhã dịch xong, đã được ngài Trùng Quán (738-839) sơ giải; sau đó, quyển 40 này lại được trích riêng ra, làm thành bản kinh biệt hành, được đặt tên là “Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, và được lưu hành cho đến ngày nay. Hiện tại nó được các giới học Phật ấn hành và phổ biến sâu rộng với các tên như: Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, hay Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, hoặc ngắn hơn như Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, và ngắn nhất là Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm; đó chính là quyển kinh ngắn mà chúng tôi xin đem tâm thành dịch ra Việt văn sau đây.

Về hình thức, phẩm kinh “Phổ Hiền Hạnh Nguyên” có hai phần: phần trước là văn xuôi; phần sau là văn kệ tụng. Về nội dung, phẩm kinh này nêu rõ 10 hạnh nguyện rộng lớn của đức Bồ-tát Phổ Hiền. Tuy nói là hạnh nguyện của đức Bồ-tát Phổ Hiền, nhưng đó cũng là những hạnh nguyện lớn lao của chúng Bốn Chúng. Thực hành rốt ráo 10 hạnh nguyện này thì con đường đi tới đạo quả Bồ-đề không còn bao xa. Đặc biệt, đây là phẩm kinh qui kết toàn bộ giáo nghĩa kinh Hoa Nghiêm; mà trong sự qui kết này lại cực lực đề xướng mục tiêu “vãng sinh Tịnh-độ”. Bởi vậy chư Cổ Đức đã liệt phẩm kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên này vào một trong năm kinh căn bản của tông Tịnh Độ (Tịnh Độ Ngũ Kinh), gồm có: A Di Đà Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, Lăng Nghiêm Kinh Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, và Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm.

Người dịch Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên (cũng tức là toàn bộ kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm) này từ Phạn văn ra Hán văn là tam tạng pháp sư Bát Nhã (Prajna, 734-?). Ngài là người nước Kế-tân, ở phía Bắc Thiên-trúc, 7 tuổi xuất gia, 20 tuổi thọ đại giới. Năm 23 tuổi ngài đến Trung Thiên-trúc, vào học viện Na-lan-đà, theo học với ba vị đại luận sư thời bấy giờ là Trí Hộ, Trí Hữu và Tấn Hữu, thông hiểu các môn Du Già, Duy Thức, Ngũ Minh, v.v... Sau đó, ngài xuống thuyền chu du khắp các nước vùng biển Nam-hải. Năm 781 (đời vua Đường Đức-tông) ngài đến Quảng-châu, rồi ra Trường-an; năm 788 khởi sự dịch kinh Mật giáo. Năm 790 ngài vâng chiếu chỉ của vua

Đường Đức-tông (780-805), đi sứ sang nước Ca-thấp-di-la. Sau đó không bao lâu, ngài được vua ban hiệu là Bát Nhã tam tạng cùng áo cà sa tía; rồi lại tiếp tục công việc dịch kinh. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên (cũng tức là toàn bộ kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm) này đã được ngài dịch tại chùa Sùng-phúc ở Trường-an, vào năm 796, đến năm 798 thì hoàn tất. Ngài viên tịch tại Lạc-dương, nhưng không rõ là năm nào. Các dịch phẩm khác của ngài có: Đại Thừa Lí Thú Lục Ba La Mật Đa Kinh, Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán Kinh, và Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà La Ni Kinh.

Kính giới thiệu,

Cư sĩ Hạnh Cơ

Miền Tây Gia-nã-đại,

Ngày Hạ-huyền tháng Mười năm Ất-Dậu,

2005 (PL 2549)

## **KINH HẠNH NGUYỆN PHỔ HIỀN**

Pháp sư tam tạng Bát Nhã dịch từ Phạn văn ra Hán văn

Cư sĩ Hạnh Cơ dịch từ Hán văn ra Việt văn, giới thiệu và chú thích

Lúc bấy giờ Bồ-tát Phổ Hiền, sau khi khen ngợi công đức thù thắng của đức Như Lai,[1] bèn nói với chư vị Bồ-tát và Thiện Tài[2] rằng: Nay thiện nam tử! Công đức của đức Như Lai, giả sử tất cả các đức Phật ở mười phương, trải qua số kiếp nhiều như vi trần[3], ở các cõi Phật nhiều không thể nói hết, diễn nói không ngừng về công đức ấy, cũng không thể nào nói hết được. Nếu muốn thành tựu được công đức ấy, cần phải tu tập mười hạnh nguyện rộng lớn. Mười hạnh nguyện ấy là gì?

Một là kính lễ chư Phật;

Hai là khen ngợi Như Lai;

Ba là cúng dường rộng khắp;

Bốn là sám hối nghiệp chướng;

Năm là tùy hỉ công đức;

Sáu là thỉnh Phật thuyết pháp;

Bảy là thỉnh Phật thường trụ ở đời;

Tám là tinh tấn tu học theo Phật;

Chín là hằng thuận chúng sinh;

Mười là hồi hướng đến khắp tất cả.

Thiện Tài thưa rằng: Bạch Đại Thánh! Từ hạnh nguyện “kính lễ” cho đến hạnh nguyện “hồi hướng”, ý nghĩa thế nào?

Bồ-tát Phổ Hiền bảo Thiện Tài rằng:

Này thiện nam tử! Hạnh nguyện “Kính lễ chư Phật” có nghĩa như thế này: Đối với chư Phật Thế Tôn nhiều như vi trần trong tất cả cõi Phật ở khắp mười phương ba đời, tận cùng hư không pháp giới, tôi nhờ vào sức hạnh nguyện Phổ Hiền[4], tin hiểu sâu xa, thấy chư Phật như đều đang ở trước mắt; tôi sẽ đem ba nghiệp thân miệng ý hoàn toàn thanh tịnh, thường cung kính lễ bái. Nơi chỗ ở của mỗi đức Phật đều hóa hiện vô số cõi Phật không thể nói hết, trong đó lại hóa hiện số thân tôi nhiều như vi trần; mỗi thân đó tôi đều kính lễ khắp các đức Phật nhiều như vi trần trong khắp các cõi Phật không thể nói hết. Khi nào cõi hư không hết thì hạnh kính lễ của tôi mới chấm dứt. Nhưng vì cõi hư không không bao giờ hết, nên sự kính lễ của tôi cũng không bao giờ chấm dứt. Cũng như vậy, cho đến khi nào cõi chúng sinh hết, nghiệp của chúng sinh hết, phiền não của chúng sinh hết, thì hạnh kính lễ của tôi mới chấm dứt; nhưng cõi chúng sinh, nghiệp chúng sinh và phiền não chúng sinh không bao giờ hết, cho nên hạnh kính lễ của tôi cũng không bao giờ chấm dứt. Niệm niệm nối nhau không gián đoạn, ba nghiệp thân miệng ý không nhàm chán mệt mỏi.

Lại nữa, này thiện nam tử! Hạnh nguyện “Khen ngợi Như Lai” có nghĩa như thế này: Trong mỗi một vi trần ở tất cả quốc độ trong khắp mười phương ba

đời, tận cùng hư không pháp giới, đều có vô số chư Phật nhiều như vi trần trong tất cả thế gian, nơi chỗ ở của mỗi đức Phật đều có vô số Bồ-tát tụ hội vây quanh, tôi sẽ đem hết những kiến giải sâu xa hiện có, trước mỗi vị tôi đều dùng cái lưỡi vi diệu hơn cả thiên nữ Biện Tài[5], mỗi cái lưỡi đều phát ra biển âm thanh vô tận, mỗi âm thanh lại phát ra tất cả biển ngôn từ, để xung dương tán thán tất cả biển công đức của Như Lai, trùm khắp tận cùng pháp giới, nối tiếp mãi cho đến tận cùng đời vị lai, không bao giờ gián đoạn. Cứ như thế, cho đến khi nào cõi hư không hết, cõi chúng sinh hết, nghiệp chúng sinh hết, phiền não chúng sinh hết, thì hạnh khen ngợi của tôi mới chấm dứt. Nhưng vì cõi hư không, cõi chúng sinh, nghiệp chúng sinh, và phiền não chúng sinh không bao giờ hết, cho nên hạnh khen ngợi của tôi cũng không bao giờ chấm dứt. Niệm niệm nối nhau không gián đoạn, ba nghiệp thân miệng ý không nhàm chán mệt mỏi.

Lại nữa, này thiện nam tử! Hạnh nguyện “Cúng dường rộng khắp” có nghĩa như thế này: Trong tất cả các cõi Phật ở khắp mười phương ba đời, cùng tận hư không pháp giới, có bao nhiêu số vi trần cực nhỏ, trong mỗi vi trần đó lại có chư Phật nhiều như số vi trần trong tất cả thế giới, nơi chỗ ở của mỗi đức Phật đều có vô số Bồ-tát tụ hội vây quanh, tôi nhờ vào sức hạnh nguyện Phổ Hiền, phát khởi lòng tin hiểu sâu xa, thấy chư Phật như hiện đang trước mặt, đem hết những phẩm vật cúng dường thượng diệu để cúng dường chư Phật. Các phẩm vật như mây hoa, mây tràng hoa, mây âm nhạc cõi trời, mây tàn lọng cõi trời, mây y phục cõi trời, các đám mây trên đây đều lớn như núi Tu-di; lại có nhiều loại hương thơm cõi trời như hương xoa, hương đốt, hương bột; lại thấp nhiều thứ đèn như đèn mỡ, đèn dầu, các thứ đèn dầu thơm, mỗi tim đèn đều lớn như núi Tu-di, dầu trong mỗi cây đèn đều nhiều như nước trong biển lớn; tôi thường đem các phẩm vật như trên để cúng dường. Này thiện nam tử! Trong các thứ cúng dường thì “cúng dường pháp”[6] là hơn hết; như: nói việc tu hành là cúng dường, làm lợi ích cho chúng sinh là cúng dường, nhiếp thọ[7] chúng sinh là cúng dường, chịu đau khổ thay cho chúng sinh là cúng dường, siêng tu dưỡng căn lành là cúng dường, không bỏ sự nghiệp Bồ-tát là cúng dường, không xa rời tâm Bồ đề là cúng dường. Này thiện nam tử! Nếu đem vô lượng công đức của sự cúng dường trên kia mà so sánh với chỉ một niệm công đức của sự cúng dường pháp này thì không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, một phần trăm ngàn câu-chi[8] na-do-tha[9], một phần ca-la[10], một phần toán, một phần số, một phần dụ, cũng không bằng một phần ưu-ba-ni-sa-đà[11]. Vì sao thế? Vì các đức Như Lai rất tôn trọng chánh pháp. Nếu y theo giáo pháp mà tu hành thì sẽ sinh ra các đức Phật. Nếu chư Bồ-tát thực hành các cách cúng dường pháp thì sẽ thành tựu được công đức cúng dường Như Lai. Tu hành như thế mới thật là

cúng dường chân chính, và đó cũng là thứ cúng dường rộng lớn và thù thắng hơn hết. Khi nào cõi hư không hết, cõi chúng sinh hết, nghiệp chúng sinh hết, phiền não chúng sinh hết, thì hạnh cúng dường của tôi mới chấm dứt; nhưng cõi hư không, cõi chúng sinh, nghiệp chúng sinh, và phiền não chúng sinh không bao giờ hết, cho nên hạnh cúng dường của tôi cũng không bao giờ chấm dứt. Niệm niệm nối nhau không gián đoạn, ba nghiệp thân miệng ý không nhàm chán mệt mỏi.

Lại nữa, này thiện nam tử! Hạnh nguyện “Sám hối nghiệp chướng” có nghĩa như thế này: Bồ-tát tự nghĩ: “Tôi từ vô thủy kiếp trong quá khứ, do tham sân si nên thân miệng ý đã tạo ra vô lượng vô biên nghiệp ác. Nếu những nghiệp ác này mà có hình tướng thì khắp cõi hư không cũng không thể chứa hết được. Hôm nay, đối trước tất cả chư Phật và chúng Bồ-tát ở các cõi nước nhiều như vi trần trong khắp pháp giới, tôi xin đem ba nghiệp thanh tịnh thành tâm sám hối, sau này thề không tái phạm, mà luôn luôn an trụ trong công đức của giới pháp thanh tịnh. Sám hối như thế, khi nào cõi hư không hết, cõi chúng sinh hết, nghiệp chúng sinh hết, phiền não chúng sinh hết, thì hạnh sám hối của tôi mới chấm dứt; nhưng cõi hư không, cõi chúng sinh, nghiệp chúng sinh, và phiền não chúng sinh không bao giờ hết, cho nên hạnh sám hối của tôi cũng không bao giờ chấm dứt. Niệm niệm nối nhau không gián đoạn, ba nghiệp thân miệng ý không nhàm chán mệt mỏi.

Lại nữa, này thiện nam tử! Hạnh nguyện “Tùy hỷ công đức” có nghĩa như thế này: Chư Phật Như Lai nhiều như vi trần trong tất cả các cõi Phật ở khắp mười phương ba đời, tận cùng hư không pháp giới, từ khi mới phát tâm[12], vì muốn thành tựu nhất thiết trí[13] mà các Ngài chuyên cần tu phước, chẳng tiếc thân mạng; trải qua số kiếp như vi trần ở các cõi Phật nhiều không thể nói hết, trong mỗi kiếp ấy các Ngài đều thí xả đầu mắt tay chân như số vi trần ở các cõi Phật nhiều không thể nói hết. Cứ như thế các Ngài chịu cực khổ để làm tất cả những việc khó làm, viên mãn mọi pháp môn giải thoát, chứng nhập các trí địa của Bồ-tát[14], thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô-thượng, cho đến khi nhập niết bàn và phân chia xá lợi. Tất cả căn lành ấy của chư Phật, tôi đều xin tùy hỷ. Chẳng những thế, đối với tất cả chúng sinh trong bốn loài[15], sáu nẻo[16] ở khắp cả mười phương thế giới, nếu họ có công đức, dù chỉ nhỏ như hạt bụi, tôi cũng đều tùy hỷ. Tất cả các bậc hữu học và vô học[17] trong hàng Thanh-văn, Phật Bích-chi, có bao nhiêu công đức tôi đều xin tùy hỷ. Tất cả chư vị Bồ-tát tu hành siêng năng khó nhọc, từng làm vô lượng việc khó làm, quyết chí cầu đạo Bồ-đề Vô-thượng, tích tụ công đức rộng lớn, tôi đều xin tùy hỷ. Cứ tùy hỷ như thế đó, dù cõi hư không hết, cõi chúng sinh hết, nghiệp chúng sinh hết, phiền não chúng sinh hết, nhưng

hạnh tùy hỉ của tôi vẫn không chấm dứt; niệm niệm nối nhau không gián đoạn, ba nghiệp thân miệng ý không nhàm chán mệt mỏi.

Lại nữa, này thiện nam tử! Hạnh nguyện “Thỉnh Phật thuyết pháp” có nghĩa như thế này: Trong số vi trần ở tất cả các cõi Phật khắp mười phương ba đời, tận cùng hư không pháp giới, mỗi vi trần đều có các cõi Phật rộng lớn nhiều không thể nói hết, trong mỗi cõi Phật đó, mỗi niệm mỗi niệm đều có chư Phật thành Đẳng-chánh-giác[18] nhiều như số vi trần ở các cõi Phật không thể nói hết, với chúng Bồ-tát đông như biển nhóm họp vây quanh; đối trước chư Phật nhiều như thế, tôi xin đem ba nghiệp thân miệng ý, dùng mọi phương tiện, ân cần thỉnh cầu chư Phật tuyên thuyết chánh pháp nhiệm mầu. Cứ thỉnh cầu như thế đó, dù cõi hư không hết, cõi chúng sinh hết, nghiệp chúng sinh hết, phiền não chúng sinh hết, nhưng hạnh thỉnh cầu tất cả chư Phật thuyết pháp của tôi không bao giờ chấm dứt; niệm niệm nối nhau không gián đoạn, ba nghiệp thân miệng ý không nhàm chán mệt mỏi.[19]

Lại nữa, này thiện nam tử! Hạnh nguyện “Thỉnh Phật thường trụ ở đời” có nghĩa như thế này: Có bao nhiêu chư Phật Như Lai nhiều như số vi trần trong tất cả cõi Phật ở mười phương ba đời, tận cùng hư không pháp giới, sắp thị hiện nhập niết bàn, và các bậc hữu học, vô học trong hàng Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, cho đến tất cả các bậc thiện tri thức, tôi đều thỉnh cầu đừng nhập niết bàn, xin hãy trụ thế trải qua số kiếp nhiều như vi trần tại tất cả các cõi Phật, để làm lợi lạc cho chúng sinh. Tôi cứ thỉnh cầu như thế, dù cõi hư không hết, cõi chúng sinh hết, nghiệp chúng sinh hết, phiền não chúng sinh hết, nhưng hạnh thỉnh Phật thường trụ ở đời của tôi không bao giờ chấm dứt; niệm niệm nối nhau không gián đoạn, ba nghiệp thân miệng ý không nhàm chán mệt mỏi.[20]

Lại nữa, này thiện nam tử! Hạnh nguyện “Tinh tấn tu học theo Phật” có nghĩa như thế này: Như đức Phật Tì Lô Giá Na[21] ở thế giới Ta-bà này, từ khi mới phát tâm đã tinh tấn không lùi, từng đem vô số thân mạng thực hành hạnh bố thí; từng lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, chích máu làm mực, để biên chép kinh điển, chất cao như núi Tu-di. Vì tôn trọng chánh pháp mà thân mạng cũng còn không tiếc, huống chi là ngôi vua, cùng những thứ tùy thuộc khác như cung điện, vườn rừng, hay thành ấp, xóm làng! Đã thế, Ngài còn chịu đựng khó nhọc để làm những việc khó làm, cho đến thành đạo ở cõi cây bồ đề, thị hiện nhiều thứ thần thông, nhiều sự biến hóa, nhiều thân Phật, ở nhiều chúng hội như ở đạo tràng của chúng hội gồm tất cả chư vị Bồ-tát lớn, hoặc ở đạo tràng của chúng hội gồm hàng Thanh-văn và Duyên-giác, hoặc ở đạo tràng của chúng hội gồm Chuyển luân thánh vương, các tiểu



vương và quyền thuộc, hoặc ở đạo tràng của chúng hội gồm sát đê lợi, bà la môn, trưởng giả và cư sĩ, cho đến ở đạo tràng của chúng hội gồm tám bộ chúng[22], người và chẳng phải người[23], vân vân. Ở nơi nhiều chúng hội như thế, đức Phật dùng âm thanh viên mãn như sấm vang, tùy theo chúng sinh vui thích pháp gì, Ngài đều làm cho họ đều được thành thực, cho đến khi Ngài thị hiện nhập niết bàn. Ở tất cả những đạo tràng như thế, tôi đều xin theo Phật tu học. Trước đức Thế Tôn Tỳ Lô Giá Na hôm nay như vậy, mà trước tất cả các đức Như Lai nhiều như số vi trần trong tất cả các cõi Phật ở khắp mười phương ba đời, tận cùng hư không pháp giới cũng đều như vậy, trong mỗi niệm tôi đều xin theo chư Phật tu học; dù cõi hư không hết, cõi chúng sinh hết, nghiệp chúng sinh hết, phiền não chúng sinh hết, nhưng hạnh tinh tấn tu học theo Phật của tôi không bao giờ chấm dứt, niệm niệm nối nhau không gián đoạn, ba nghiệp thân miệng ý không nhàm chán mệt mỏi.

Lại nữa, này thiện nam tử! Hạnh nguyện “Hằng thuận[24] chúng sinh” có nghĩa như thế này: Trong tất cả các cõi ở khắp mười phương, tận cùng hư không pháp giới, có các loài chúng sinh sai khác nhau như noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, và hóa sinh; hoặc có các loài nương nơi đất nước gió lửa mà sinh sống, hoặc có các loài nương nơi hư không và cây cỏ mà sinh sống; rất nhiều chủng loại, rất nhiều sắc thân, rất nhiều hình trạng, rất nhiều tướng mạo, rất nhiều thọ lượng[25], rất nhiều tộc loại, rất nhiều danh hiệu, rất nhiều tâm tính, rất nhiều tri kiến, rất nhiều ham thích, rất nhiều tư tưởng, rất nhiều oai nghi, rất nhiều thứ y phục, rất nhiều thức ăn uống; cư trú ở rất nhiều xóm làng, thành ấp, cung điện, cho đến tám bộ chúng, người và chẳng phải người; hoặc không có chân, hoặc có hai chân, bốn chân, nhiều chân; có hình sắc hay không có hình sắc, có tư tưởng hay không có tư tưởng, chẳng phải có tư tưởng hay chẳng phải không có tư tưởng; đối với tất cả các loài khác nhau như thế tôi đều uyển chuyển tùy thuận để phụng sự và cung dưỡng, như kính cha mẹ, như thờ sư trưởng, cho đến các bậc A-la-hán hay các đức Như Lai, không có gì khác biệt. Đối với người bệnh tôi sẽ là lương y, người bị lạc lối tôi sẽ chỉ cho con đường ngay chính, ở trong đêm tối tôi sẽ là ánh sáng, người nghèo khổ tôi sẽ giúp cho được của báu. Bồ-tát làm lợi ích cho chúng sinh một cách bình đẳng như thế đó. Vì sao? Vì Bồ-tát nếu tùy thuận chúng sinh thì tức là tùy thuận cúng dường chư Phật, nếu tôn trọng và phụng sự chúng sinh thì tức là tôn trọng và phụng sự chư Phật, nếu làm cho chúng sinh hoan hỉ tức là làm cho chư Phật hoan hỉ. Vì sao? Vì chư Phật lấy tâm đại bi làm thể tánh, bởi có chúng sinh mà phát khởi tâm đại bi, bởi có tâm đại bi mà phát sinh tâm bồ đề, bởi có tâm bồ đề mà thành bậc Đẳng-chánh-giác. Ví như giữa vùng sa mạc mênh mông có một cây đại thọ, nếu rễ

hút được nước thì cành lá hoa trái sẽ tươi tốt sum sê. Cây bồ đề ở trong biển sinh tử mênh mông cũng giống như vậy. Tất cả chúng sinh là rễ của cây; chư Phật và chư Bồ-tát là hoa trái của cây. Lấy nước đại bi làm lợi ích cho chúng sinh thì sẽ thành tựu được hoa trái trí tuệ của chư Phật và Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát dùng nước đại bi làm lợi ích cho chúng sinh thì sẽ thành tựu quả vị Bồ-đề Vô-thượng. Bởi vậy, Bồ-đề là thuộc về chúng sinh. Nếu không có chúng sinh thì tất cả Bồ-tát đều không thể thành tựu quả vị Bồ-đề Vô-thượng. Nay thiện nam tử! Về ý nghĩa của hạnh “Hằng thuận chúng sinh” này, ông nên hiểu như vậy: Đem tâm bình đẳng đối với chúng sinh thì thành tựu được tâm đại bi một cách viên mãn; đem tâm đại bi tùy thuận chúng sinh thì thành tựu được công đức cúng dường chư Phật. Cứ như thế đó mà Bồ-tát tùy thuận chúng sinh, dù cõi hư không hết, cõi chúng sinh hết, nghiệp chúng sinh hết, phiền não chúng sinh hết, nhưng hạnh tùy thuận của tôi không bao giờ chấm dứt, niệm niệm nối nhau không gián đoạn, ba nghiệp thân miệng ý không nhàm chán mệt mỏi.

Lại nữa, nay thiện nam tử! Hạnh nguyện “Hồi hướng đến khắp tất cả” có nghĩa như thế này: Từ hạnh nguyện đầu tiên là “kính lễ chư Phật”, cho đến hạnh nguyện thứ chín là “tùy thuận chúng sinh”, có được bao nhiêu công đức, thầy đều đem hồi hướng cho tất cả chúng sinh trong khắp cõi hư không pháp giới. Xin nguyện cho chúng sinh thường được an vui, không bị các bệnh khổ; muốn làm việc ác thì không thành, làm việc thiện thì thành tựu nhanh chóng; đóng chặt tất cả các cánh cửa đi vào nẻo ác, mở bày con đường chân chính dẫn đến trời, người và niết bàn. Nếu các chúng sinh vì chứa nhiều nghiệp ác nên phải chiêu cảm quả báo đau khổ nặng nề, tôi đều xin chịu thay, khiến cho họ đều được giải thoát, cho đến lúc cuối cùng thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô-thượng. Cứ như thế Bồ-tát tu hạnh hồi hướng, dù cõi hư không hết, cõi chúng sinh hết, nghiệp chúng sinh hết, phiền não chúng sinh hết, nhưng hạnh hồi hướng của tôi không bao giờ chấm dứt, niệm niệm nối nhau không gián đoạn, ba nghiệp thân miệng ý không nhàm chán mệt mỏi.

Nay thiện nam tử! Đó là mười hạnh nguyện lớn, đầy đủ, trọn vẹn của các vị Bồ-tát lớn. Nếu các vị Bồ-tát khéo tu tập theo mười hạnh nguyện ấy thì có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, mà cũng là thuận theo đạo quả Bồ-đề Vô-thượng, thành tựu viên mãn các hạnh nguyện rộng lớn như biển của Bồ-tát Phổ Hiền.

Vì vậy cho nên, nay thiện nam tử! Ông nên hiểu rõ ý nghĩa của việc tu tập mười hạnh nguyện ấy như thế này: Nếu có người thiện nam hay thiện nữ nào

dùng bảy thứ trân bảo kì diệu nhất, và các thứ vui sướng thù thắng nhất của các cõi trời và người trong tất cả thế giới nhiều như vi trần ở vô lượng vô biên cõi Phật khắp mười phương, đem bố thí cho chúng sinh cũng ở ngàn ấy thế giới, cúng dường lên chư Phật và Bồ-tát cũng ở ngàn ấy thế giới, trải qua số kiếp nhiều như vi trần ở ngàn ấy cõi Phật, cứ liên tục bố thí cúng dường như thế, không gián đoạn, được bao nhiêu công đức; nếu đem so sánh với công đức của một người chỉ được nghe qua một lần mười hạnh nguyện rộng lớn này, thì công đức của người thiện nam hay thiện nữ ở trước không bằng một phần trăm, một phần ngàn công đức của người sau, cho đến một phần ưu-ba-ni-sa-đà cũng không bằng. Lại nếu có một người đem lòng tin sâu xa mà thọ trì đọc tụng mười hạnh nguyện rộng lớn ấy, thậm chí chỉ biên chép một bài kệ bốn câu, tức khắc có thể diệt trừ năm nghiệp vô gián[26]; bao nhiêu khổ não cũng như bệnh hoạn thuộc về thân, tâm trong thế gian, cho đến tất cả nghiệp ác nhiều như số vi trần ở cõi Phật, đều được tiêu trừ; tất cả các loài ma quân[27], quỷ dạ-xoa[28], quỷ la-sát[29], hoặc các loài quỷ thần hung dữ chuyên ăn thịt uống máu như cưu-bàn-trà[30], tì-xá-xà[31], bộ-đà[32], vân vân, thấy đều phải tránh xa, hoặc nếu gần gũi thì phát tâm bảo hộ.

Vì vậy cho nên, người đọc tụng mười hạnh nguyện này, nếu đem thực hành trong thế gian, sẽ không bị chướng ngại, như mặt trăng ra khỏi đám mây mù, được chư Phật và Bồ-tát khen ngợi, tất cả trời người đều nên kính lễ, tất cả chúng sinh đều nên cúng dường. Người thiện nam ấy sẽ có được thân người với đầy đủ công đức của Bồ-tát Phổ Hiền, và chẳng bao lâu sẽ đồng như Bồ-tát Phổ Hiền, nhanh chóng thành tựu sắc thân vi diệu, đầy đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu[33]. Nếu người ấy sinh trong cõi Người hoặc cõi Trời, sẽ ở vào dòng tộc cao quý nhất, có thể phá trừ tất cả việc ác, xa lánh tất cả bạn ác, chế ngự tất cả ngoại đạo, giải thoát tất cả phiền não, như sư tử chúa xua đuổi muôn thú. Người ấy sẽ thọ nhận tất cả sự cúng dường của chúng sinh. Lại nữa, người này đến phút lâm chung, trong sát na cuối cùng, tất cả các căn[34] đều hư rã, tất cả quyến thuộc đều xa lìa, tất cả uy thế đều tiêu mất, tất cả đại thần, quan tướng, cung điện, thành quách trong ngoài[35], xe cộ voi ngựa, kho tàng châu báu, vân vân đều không đem theo; chỉ có mười hạnh nguyện rộng lớn này là chẳng xa rời, luôn luôn ở trước dẫn đường, trong khoảnh khắc người ấy liền được vãng sinh về thế giới Cực-lạc. Đến đó rồi, liền được thấy đức Phật A Di Đà, đức Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi, đức Bồ-tát Phổ Hiền, đức Bồ-tát Quán Tự Tại, đức Bồ-tát Di Lặc, vân vân. Các vị Bồ-tát này sắc tướng đoan nghiêm, công đức đầy đủ, cùng đứng vây quanh. Người ấy tự thấy mình sinh trong hoa sen, được Phật thọ kí[36]. Sau khi đã được Phật thọ kí, trải qua trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, ở khắp vô số thế

giới trong mười phương, người ấy dùng sức trí tuệ, thuận theo tâm chúng sinh mà làm lợi ích cho tất cả, rồi chẳng bao lâu, sẽ ngồi nơi đạo tràng bồ đề, hàng phục ma quân, thành bậc Đẳng-chánh-giác, chuyên bánh xe pháp nhiệm màu, khiến cho chúng sinh trong số thế giới nhiều như vi trần thuộc cõi Phật ấy, đều phát tâm bồ đề, tùy theo căn tánh của họ mà giáo hóa thuần thực; cho đến vô số kiếp ở đời vị lai, đức Phật ấy cũng đều làm lợi ích rộng lớn cho tất cả chúng sinh như vậy.

Này thiện nam tử! Các chúng sinh kia hoặc được nghe, hoặc tin chắc vào mười hạnh nguyện rộng lớn này mà thọ trì đọc tụng, và giảng nói rộng rãi cho mọi người được nghe biết, thì công đức ấy, ngoài đức Phật Thế Tôn ra, không ai có thể biết hết được.

Vì vậy cho nên, khi quý vị nghe được mười hạnh nguyện rộng lớn này rồi thì không nên sinh lòng ngờ vực, mà hãy chí thành thọ nhận, thọ nhận rồi thì nên đọc, đọc rồi thì nên thuộc, thuộc rồi thì nên thường xuyên hành trì, cho đến biên chép, giảng nói. Những người làm được như vậy thì chỉ trong một niệm, các hạnh nguyện đều thành tựu, được phước đức vô lượng vô biên, có thể cứu vớt chúng sinh ra khỏi biển khổ lớn đầy phiền não, và đều được vắng sinh về thế giới Cực-lạc của đức Phật A Di Đà.

Lúc bấy giờ, đức Bồ-tát lớn Phổ Hiền muốn tuyên thuyết lại ý nghĩa của mười hạnh nguyện rộng lớn này, bèn quan sát khắp mười phương, rồi nói kệ rằng:

Đối trước chư Phật cả ba đời,

Trong các thế giới khắp mười phương,

Tôi đem thân miệng ý thanh tịnh,

Kính lễ cùng khắp không bỏ sót;

Nhờ sức oai thần hạnh Phổ Hiền,

Hiện thân khắp trước các Như Lai,

Một thân lại hiện vô số thân,

Mỗi thân kính lễ vô số Phật.

Vô số Phật trong một vi trần,  
Đều ngự giữa chúng hội Bồ-tát;  
Cùng khắp pháp giới cũng như vậy,  
Lòng tin chư Phật đều đầy đủ,  
Tôi dùng tất cả biển âm thanh,  
Nói lời hay đẹp dâng cúng khắp,  
Khen ngợi Phật công đức sâu dày,  
Mãi đến đời vị lai vô tận.

Tôi dùng các thứ trang nghiêm nhất:  
Như các loại tràng hoa mỹ diệu,  
Âm nhạc, tàn lọng cùng đèn đuốc,  
Y phục tốt đẹp, hương thơm nhất,  
Hương xoa, hương bột và hương xông,  
Tất cả vật phẩm đều trân quý,  
Đều chất cao như núi Tu-di,  
Thảy đều dâng cúng dường chư Phật.  
Do nơi trí hiểu biết rộng lớn,  
Tin sâu sắc chư Phật ba đời,  
Và nhờ sức hạnh nguyện Phổ Hiền,  
Tôi cúng dường cúng khắp chư Phật.

Đã lâu tôi tạo nhiều nghiệp ác,  
Đều từ thân miệng ý phát sinh,  
Do tham sân si từ vô thí,  
Hôm nay tôi đều xin sám hối.  
Tất cả công đức của chúng sinh,  
Hữu học, vô học thuộc hai thừa[37],  
Và chư Phật, Bồ-tát mười phương,  
Bao nhiêu tôi đều xin tùy hỉ.  
Các bậc Đạo Sư khắp mười phương,  
Ngay từ lúc mới thành Chánh-giác,  
Tôi đều đem lòng thành kính thỉnh,  
Xin chuyên bán xe pháp nhiệm mầu.  
Chư Phật muốn thị hiện niết bàn,  
Tôi đều đem lòng thành kính thỉnh,  
Xin trụ thế mãi vô số kiếp,  
Hóa độ cho tất cả chúng sinh.  
Phước đức, thiện căn do ngợi khen,  
Kính lễ, cúng dường, và tùy hỉ,  
Sám hối, thỉnh trụ thế, thuyết pháp,  
Hồi hướng chúng sinh cùng Phật đạo.

Tôi theo chư Phật xin tu học,  
Thực hành trọn vẹn hạnh Phổ Hiền,  
Cúng dường chư Phật đời quá khứ,  
Chư Phật hiện tại khắp mười phương,  
Cùng khắp chư Phật đời vị lai,  
Tất cả chí nguyện đều viên mãn.  
Tôi nguyện theo Phật cả ba đời,  
Mau chóng thành tựu quả Chánh-giác.  
Tất cả thế giới khắp mười phương,  
Rộng lớn, thanh tịnh và trang nghiêm,  
Chư Phật ngồi nơi cõi bồ đề,  
Chúng hội đều vây quanh đông đủ.  
Xin cho chúng sinh khắp mười phương,  
Tiêu trừ lo khổ, thường an vui,  
Được nhiều lợi lạc nhờ chánh pháp,  
Dứt sạch phiền não không còn thừa.  
Khi tôi tu tập đạo bồ đề,  
Biết được kiếp trước trong các nẻo,  
thường được xuất gia tu tịnh giới,  
Không dơ, không lỗi, không rơi lọt[38].

Chúng sinh có bao nhiêu ngôn ngữ:

Trời, rồng, dạ-xoa, cuu-bàn-trà,  
Cho đến người và chẳng phải người,  
Tùy từng ngôn ngữ tôi nói pháp.

Siêng tu hạnh thanh tịnh rất ráo,  
Gìn giữ không mất tâm bồ đề,  
Diệt trừ sạch cấu uế, tội chướng,  
Thành tựu tất cả mọi hạnh lành.

Ngay trong thế gian được giải thoát  
Phiền não, nghiệp chướng và cảnh ma,  
Giống như hoa sen không dính nước,  
Trời, trăng không đứng ở hư không.

Diệt trừ khổ đau nơi đường dữ,  
Cho vui bình đẳng khắp chúng sinh,  
Như thể trải qua vô số kiếp,  
Lợi ích mười phương không tận cùng.

Tôi thường tùy thuận các chúng sinh,  
Cùng tận vị lai vô số kiếp,

Tu tập hạnh Phổ Hiền rộng lớn,  
Viên mãn quả Vô-thượng Bồ-đề.



Nguyện cầu tất cả bạn đồng tu,  
Ở khắp mọi nơi đều tụ hội,  
Nghiệp thân miệng ý đều như nhau,  
Tất cả hạnh nguyện cùng tu học.  
Các thiện tri thức từng giúp tôi,  
Dạy bảo cho tôi hạnh Phổ Hiền,  
Xin cùng tôi thường xuyên tụ hội,  
Đối với tôi tâm luôn hoan hỉ.  
Xin thường được diện kiến chư Phật,  
Cùng bao Phật tử vây quanh Phật,  
Tôi đều xin cúng dường mọi thứ,  
Tận cùng vị lai không mệt mỏi.  
Nguyện giữ gìn Phật pháp nhiệm mầu,  
Tuyên dương tất cả hạnh giác ngộ,  
Tu tập suốt các kiếp vị lai,  
Rốt ráo hạnh Phổ Hiền thanh tịnh.  
Tôi ở trong tất cả các cõi,  
Phước, trí cùng tu không ngừng nghỉ,  
Định, tuệ, phương tiện và giải thoát,  
Được kho tàng công đức vô biên.

Một vi trần có vô số cõi,  
Trong mỗi cõi có vô số Phật,  
Mỗi đức Phật ở giữa chúng hội,  
Thường hằng diễn giảng hạnh bồ đề.  
Các quốc độ cùng khắp mười phương,  
Mỗi đầu sợi lông đủ ba đời,  
Phật cùng quốc độ nhiều vô số,  
Trải vô số kiếp tôi tu hành.  
Lời nói chư Phật đều thanh tịnh,  
Một lời gồm đủ mọi âm thanh,  
Tùy theo tiếng nói của chúng sinh,  
Đều nghe hiểu pháp âm của Phật.  
Tất cả chư Phật trong ba đời,  
Đều dùng biến ngữ ngôn vô tận,  
Hằng chuyển bánh xe pháp nhiệm mầu,  
Nhờ trí tuệ tôi đều hiểu rõ.  
Tôi vào sâu suốt đời vị lai,  
Vô số kiếp thu vào một niệm,  
Có bao nhiêu kiếp trong ba đời,  
Trong khoảng một niệm tôi vào khắp.

Tất cả chư Phật trong ba đời,  
Trong một niệm tôi liền thấy rõ,  
Lại thường vào trong cảnh giới Phật,  
Như huyễn, giải thoát, và uy lực.[39]  
Vô số sợi lông trong mười phương,  
Nơi một đầu sợi lông nhỏ ấy,  
Xuất hiện nước Phật cả ba đời,  
Tôi đều vào chuyên tu nghiêm tịnh.  
Có bao nhiêu Phật đời vị lai,  
Thành đạo, thuyết pháp, độ chúng sinh,  
Phật sự viên mãn, nhập niết bàn,  
Tôi đều thân cận siêng tu học.  
Sức thần thông biến khắp mau chóng,  
Sức đại thừa vào khắp pháp môn,  
Sức công đức khắp tu trí, hạnh,  
Sức đại từ oai thần che khắp,  
Sức phước báo nghiêm tịnh khắp nơi,  
Sức trí tuệ không còn chấp trước,  
Sức định, tuệ, phương tiện, oai thần,  
Sức hay tích tụ giống bồ đề,

Sức làm thanh tịnh các nghiệp lành,  
Sức phá trừ tất cả phiền não,  
Sức hàng phục tất cả chướng ma,  
Sức viên mãn các hạnh Phổ Hiền.  
Làm nghiêm tịnh khắp các quốc độ,  
Giải thoát cho tất cả chúng sinh,  
Thấu suốt nghĩa sâu xa giáo pháp,  
Vào tận cùng biển sâu trí tuệ,  
Tu mọi công hạnh đều thanh tịnh,  
Tất cả chí nguyện đều viên mãn,  
Thân cận cúng dường khắp chư Phật,  
Vô số kiếp tu hành không mỏi.  
Tất cả chư Phật trong ba đời,  
Tùng tu các hạnh nguyện tối thượng,  
Tôi đều cúng dường, tu viên mãn  
Theo hạnh Phổ Hiền đến Giác-ngộ.  
Tất cả chư Phật có tướng tử[40],  
Danh hiệu ngài xưng gọi Phổ Hiền,  
Nay tôi hồi hướng các căn lành,  
Nguyện trí, hạnh như ngài không khác.

Nguyện thân ngữ ý luôn thanh tịnh,  
Các hạnh, quốc độ, cũng như vậy,  
Trí tuệ như thế xưng Phổ Hiền,  
Tôi nguyện giống như ngài không khác.  
Tôi tu hạnh Phổ Hiền thanh tịnh,  
Cùng nguyện lớn của đức Văn Thù,  
Sự nghiệp ấy trọn thành không sót,  
Hết kiếp vị lai không mệt mỏi.  
Tôi tu hành pháp môn vô lượng,  
Có được công đức nhiều vô lượng,  
An trú trong hành nghiệp[41] vô lượng,  
Thấu suốt tất cả sức thần thông.  
Trí tuệ đức Văn Thù dững mãi,  
Tuệ, hạnh đức Phổ Hiền cũng vậy,  
Tôi nay hồi hướng các căn lành,  
Nguyện luôn theo các ngài tu học.  
Chư Phật ba đời đều khen ngợi,  
Đó là nguyện lớn không gì hơn,  
Tôi nay hồi hướng các căn lành,  
Nguyện được hạnh Phổ Hiền thù thắng.

Tôi nguyện khi đến phút lâm chung,  
Trừ sạch tất cả các chướng ngại,  
Trước mắt thấy Phật A Di Đà,  
Liên được vãng sinh cõi Cực-lạc.  
Khi đã vãng sinh về cõi ấy,  
Tôi liền thành tựu nguyện lớn này,  
Hoàn toàn đầy đủ, không thiếu sót,  
Làm lợi lạc tất cả chúng sinh.  
Chúng hội Cực-lạc đều thanh tịnh,  
Tôi từ hoa sen báu sinh ra,  
Liên thấy đức Phật Vô Lượng Quang[42],  
Thọ kí cho tôi quả Bồ-đề.  
Mong nhờ ơn Phật thọ kí rồi,  
Tôi hóa thân nhiều vô số kể,  
Trí tuệ rộng lớn khắp mười phương,  
Lợi ích chúng sinh khắp các cõi.  
Cõi hư không và cõi chúng sinh,  
Nghiệp và phiền não có thể hết,  
Nhưng bốn thứ ấy không cùng tận,  
Hạnh nguyện của tôi cũng vô tận.

Có người đem châu báu trang nghiêm,  
Cúng dường Phật ở khắp mười phương,  
Phẩm vật thắng diệu thí trời người,  
Nhu thế trải qua vô số kiếp;  
Có người được nghe nguyện vương này,  
Một lần qua tai, sinh chánh tín,  
Lòng khao khát cầu quả Bồ-đề,  
Được công đức trội hơn người trước.  
Người đó rời xa ác tri thức,  
Thoát khỏi tất cả các đường dữ,  
Mau chóng thấy Phật Vô Lượng Quang,  
Đầy đủ nguyện Phổ Hiền tối thắng.  
Người đó được thọ mạng lâu dài,  
Sinh vào loài người được tự tại,  
Thời gian không lâu sẽ thành tựu  
Hạnh nguyện rộng lớn như Phổ Hiền.  
Từ vô thi do không trí tuệ,  
Từng tạo năm tội nặng Vô-gián,  
Tri tụng nguyện lớn Phổ Hiền này,  
Một niệm tội nghiệp đều tiêu diệt;

Giống nòi dòng họ cùng dung mạo,  
Hình tướng, trí tuệ, đều viên mãn,  
Ác ma, ngoại đạo không phá hoại,  
Nhận sự cúng dường trong ba cõi;  
Liên đến ngòi cội cây Bồ đề,  
Hàng phục hết tất cả chúng ma,  
Thành bậc Chánh-giác, nói diệu pháp,  
Lợi lạc khắp tất cả quần sinh.  
Nếu đọc tụng, thọ trì, diễn nói  
Mười hạnh nguyện lớn Phổ Hiền này,  
Quả báo chi có Phật chứng biết,  
Quyết định thành tựu đạo Bồ-đề.  
Nếu trì tụng nguyện Phổ Hiền này,  
Tôi nói: Chỉ phần nhỏ căn lành,  
Trong một niệm trọn đầy công đức,  
Hoàn thành nguyện thanh tịnh chúng sinh.  
Hạnh Phổ Hiền thù thắng của tôi,  
Phước báo vô biên đều hồi hướng,  
Cho khắp chúng sinh đang chìm đắm,  
Nguyện mau vãng sinh về Cực-lạc.



Lúc đức Bồ-tát lớn Phổ Hiền ở trước Phật nói bài kệ hạnh nguyện Phổ Hiền rộng lớn thanh tịnh này xong, Thiện Tài đồng tử vui mừng không xiết; tất cả chúng Bồ-tát cũng đều hoan hỉ. Đức Phật khen rằng: “Lành thay! Lành thay!”

Bấy giờ, khi đức Thế Tôn cùng các bậc thánh Bồ-tát lớn diễn nói pháp môn thù thắng về cảnh giới giải thoát không thể nghĩ bàn như vậy, đức Bồ-tát Văn Thù là thượng thủ trong chúng Bồ-tát lớn và sáu ngàn vị tỳ kheo do ngài giáo hóa, đức Bồ-tát Di Lạc là thượng thủ trong hàng Bồ-tát lớn ở Hiền kiếp, đức Bồ-tát Vô Cấu Phổ Hiền là thượng thủ trong hàng Bồ-tát lớn một đời thành Phật[43] đang trú ở địa vị Quán-đánh[44], và tất cả chúng Bồ-tát lớn nhiều như số vi trần ở tất cả các quốc độ trong các thế giới khắp mười phương đến tụ hội; các vị tôn giả Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên vân vân là thượng thủ trong chúng Thanh-văn, các bậc chúa tể trong hàng Trời Người, cùng các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Người, chẳng phải người, vân vân, tất cả đại chúng, nghe Phật dạy xong đều rất vui mừng, đồng tin nhận và nguyện hành trì.

## CHÚ THÍCH

[1] Cuối quyển 39 ở trước (của bộ kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm), đức Bồ-tát Phổ Hiền đã khen ngợi công đức thù thắng của Phật bằng một bài kệ tụng gồm 380 câu.

[2] Thiện Tài: tức Thiện Tài đồng tử, vị Bồ-tát đi cầu đạo được đề cập tới trong phẩm “Nhập Pháp Giới” của kinh Hoa Nghiêm. Trên đường cầu đạo, ngài đã từng đi về phương Nam, trải qua nhiều nước, tham phỏng với 53 (hoặc 55) vị thiện tri thức gồm tỳ kheo, tỳ kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, đồng tử, thiên nữ, quốc vương, vương phi, bà la môn, trưởng giả, y sư, thần cây, thần đất, v.v..., được học nhiều pháp môn, cuối cùng đến đạo tràng của Bồ-tát Phổ Hiền thì chứng nhập được pháp giới vô sinh. Phật giáo đại thừa thường đem Thiện Tài đồng tử (giống như nàng Long nữ trong kinh Pháp Hoa) làm ví dụ điển hình để chứng minh cho thuyết “tức thân thành Phật”.

[3] Vi trần: là hạt bụi rất nhỏ. Trong không gian có vô số hạt bụi như vậy, không thể nào đếm hết được; vì vậy, nói đến vi trần cũng có nghĩa là nói đến số lượng rất nhiều, nhiều hơn cả “cát sông Hằng”.

[4] Bốn chữ “hạnh nguyện Phổ Hiền” không phải là đức Bồ-tát Phổ Hiền tự nói đề cao mình, mà thực sự lúc bấy giờ, “hạnh nguyện Phổ Hiền” đã trở thành là tên của một pháp môn tu hành.

[5] Thiên nữ Biện Tài: đó là một vị nữ thần chủ về văn nghệ trong tín ngưỡng Ấn-độ giáo và Bà-la-môn giáo cổ đại; cũng gọi là Diệu Âm thiên, hay Mĩ Âm thiên. Trong Lê Câu Phệ Đà, đó là tên của vị thần sông, có khả năng tẩy trừ ô uế và giúp cho loài người có tính dũng cảm, giàu có và đông con cháu. Trong Phạm Thư, đó là vợ của Phạm Thiên, từng là vị nữ thần của ngôn ngữ và trí thức, đã sáng chế ra chữ Phạn, cùng chương quản thi ca và âm nhạc, bảo hộ cho nghệ thuật và khoa học; sau cùng thì trở thành vị nữ thần của trí tuệ và hùng biện. Trong kinh điển Phật giáo cũng có nhắc đến vị nữ thần này.

[6] Cúng dường pháp: là thực hành mọi cách nhằm mục đích truyền bá, hoằng dương và bảo tồn giáo pháp của Phật.

[7] Nhiếp thọ: thu nhận người (học trò, đệ tử) để dạy dỗ, giáo hóa.

[8] Câu-chi: số đo lường của Ấn-độ, tương đương với 1 ức (10.000.000) của Trung-quốc.

[9] Na-do-tha: cũng nói là na-do-đa, số đo lường của Ấn-độ, tương đương với 1 triệu (cũng có thuyết nói là 10 tỉ) của Trung-quốc.

[10] Một phần ca-la: tức là một phần của số lượng nhỏ nhất, một phần của cực vi.

[11] Ưu-ba-ni-sa-đà: là phần cực nhỏ. Theo sách Tuệ Uyển Âm Nghĩa, “ưu-ba-ni-sa-đà” được dịch là vi tế phần. Giả sử đem một sợi lông chẻ ra làm trăm, ngàn phần, rồi lấy một phần đó lại chẻ ra làm trăm, ngàn, vạn phần; cứ chẻ như thế cho đến khi còn gần như hư không, không thể nào chia chẻ được nữa, cái phần cuối cùng đó gọi là ưu-ba-ni-sa-đà.

[12] Từ “phát tâm” ở đây có nghĩa là phát tâm tu hành cho đến khi chứng được đạo quả Bồ-đề Vô-thượng; nói cách khác là phát tâm làm Phật.

[13] Nhất thiết trí: tức là trí tuệ của Phật, biết rõ thật tướng của tất cả các pháp, tất cả chúng sinh, tất cả thế giới, tất cả sự việc trong mười phương ba đời.

[14] Trí địa của Bồ-tát: là chỉ cho phương diện trí tuệ của Bồ-tát, còn phương diện kia là từ bi; trí tuệ là nói về tự lợi, từ bi là nói về lợi tha, tự lợi và lợi tha viên mãn thì thành Phật. Lại nữa, khi nói “Bồ-tát trí địa” là chỉ cho các bậc Bồ-tát từ Sơ-địa trở lên cho đến địa vị Đẳng-giác.

[15] Bốn loài: Các kinh điển Phật giáo thường dùng từ “bốn loài” (tứ sinh) để chỉ cho bốn cách thức, từ đó các sinh vật được sinh ra trong thế gian: 1) Sinh ra bằng bào thai (thai sinh) trong bụng mẹ, như loài người, các giống thú như bò, ngựa, nai, v.v... 2) Sinh ra từ trứng (noãn sinh), như các giống chim, rắn, rùa, v.v... 3) Sinh ra từ chỗ ẩm thấp (thấp sinh), như các giống bọ, côn trùng, v.v... 4) Sinh ra do sự chuyển hóa (hóa sinh), như các giống bướm, tằm, v.v...

[16] Sáu nẻo: là sáu cảnh giới của các loài chúng sinh (lục đạo hay lục thú) trong vòng luân hồi sinh tử, gồm có: cảnh giới Trời, cảnh giới Người, cảnh giới A-tu-la, cảnh giới Bàn-giới (Súc-sinh), cảnh giới Ngạ-qui, và cảnh giới Địa-ngục.

[17] Các hành giả đang còn tu học như Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, Bồ-tát v.v... thì gọi là “hữu học” (nghĩa là còn phải tu học); quý vị đã chứng thánh quả như A-la-hán, Phật, gọi là “vô học” (nghĩa là không còn phải tu học nữa).

[18] Đẳng chánh giác: nghĩa là sự giác ngộ chân chánh, chứng nhập chân lý không có gì hơn, tức là thật trí của Phật, cũng tức là quả Phật. Có nhiều từ để gọi quả Phật, như Chánh giác, Chánh đẳng giác, Đẳng chánh giác, Chánh đẳng chánh giác, Vô thượng chánh đẳng chánh giác, Chánh tận giác. Trong các từ này, chữ “đẳng” là chỉ cho chân lý Phật đã chứng ngộ; chữ “tận” là chỉ cho sự dứt trừ vô minh phiền não một cách trọn vẹn.

[19] Về hạnh nguyện “Thỉnh Phật thuyết pháp” (thỉnh chuyển pháp luân) này, trong đời sống thực tế hiện tại của Phật tử chúng ta, đó là việc thỉnh quý vị pháp sư (chư tăng, ni và cư sĩ, vừa hiểu sâu giáo lý, có trí tuệ biện tài, vừa có nhiệt tâm hoằng pháp) thuyết pháp và giảng dạy giáo lý. Giáo pháp có được giảng dạy thường xuyên thì công phu tu hành mới có kết quả tốt, và Phật pháp mới tồn tại lâu dài ở thế gian.

[20] Về hạnh nguyện “Thỉnh Phật thường trụ ở đời” (thỉnh Phật trụ thế) này, trong đời sống thực tế hiện tại của Phật tử chúng ta, đó là việc thỉnh các bậc

đạo cao đức trọng về thường trú nơi đạo tràng (chùa, niệm Phật đường v.v...) ở địa phương của chúng ta, để thường trực dạy dỗ, hướng dẫn chúng ta tu học. Bậc đạo cao đức trọng này có thể là tăng, có thể là ni, hoặc cũng có thể là cư sĩ, đạo hạnh sáng ngời, xứng đáng làm chỗ nương tựa cho mọi người.

[21] Tì Lô Giá Na: nghĩa là ánh sáng chiếu soi cùng khắp không bị chướng ngại, trong kinh điển thường dùng để chỉ cho pháp thân của Phật. Tông Pháp Tướng xưng Tì Lô Giá Na là thân tự tánh (tức pháp thân) của Phật; Lô Xá Na là thân thọ dụng (tức báo thân) của Phật; và Thích Ca Mâu Ni là hóa thân của Phật; hợp cả ba lại xưng là Tam Tôn. Tông Thiên Thai cũng lập Tam Tôn, và xưng Tì Lô Giá Na là pháp thân Phật, Lô Xá Na là báo thân Phật, Thích Ca Mâu Ni là ứng thân Phật. Đối với Mật giáo, Tì Lô Giá Na tức là Đại Nhật Như Lai, là đức Phật bốn tôn, giáo chủ của Mật giáo. Như vậy, Phật Tì Lô Giá Na cũng tức là Phật Thích Ca Mâu Ni, giáo chủ cõi Ta-bà này.

[22] Tám bộ chúng (bát bộ chúng): là từ chỉ chung cho các vị thần phát tâm bảo hộ Phật pháp; cũng gọi là “tám bộ trời rồng” (thiên long bát bộ), hay chỉ nói tắt là “tám bộ” (bát bộ), gồm có: Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà (thần âm nhạc), A-tu-la, Ca-lâu-la (chim cánh vàng), Khẩn-na-la (thần ca múa), và Ma-hầu-la-già (thần trăn).

[23] Chẳng phải người: Từ Phật học Hán Việt gọi là “phi nhân”, là tiếng chỉ chung cho các loài không phải là loài người, như Trời, Rồng, Càn-thát-bà, Nga-qui, Dạ-xoa, A-tu-la, Địa-ngục v.v... Cũng có nơi, từ này được dùng để chỉ chính xác cho chúng sinh ở bốn cảnh giới: Trời, A-tu-la, Nga-qui, và Địa-ngục.

[24] Hăng thuận: nghĩa là luôn luôn tùy thuận; ở đây là thuận theo tâm ý của người khác với mục đích tìm phương cách xứng hợp để hóa độ; chứ không phải a dua theo những thói xấu của người, làm cho họ ngày càng sa đọa thêm.

[25] Thọ lượng: là sự dài, ngắn của mạng sống.

[26] Năm nghiệp Vô-gián: tức là năm thứ tội nặng khiến phải đọa xuống địa ngục Vô-gián. Đó là các tội: giết cha, giết mẹ, giết bậc A-la-hán, phá hoại nếp sống hòa hợp của tăng đoàn, và làm cho thân Phật bị chảy máu. Chữ “vô-gián” nghĩa là không gián đoạn, không có kẽ hở, không ngừng nghỉ. Địa

ngục Vô-gián là loại địa ngục có năm thứ không bao giờ gián đoạn: 1) Trải qua vô số kiếp chịu khổ hình, suốt ngày đêm không có khoảnh khắc nào gián đoạn; 2) Trong địa ngục này có giường lửa bằng sắt, mỗi bề rộng hàng vạn dặm, người thọ hình nằm trên đó tự thấy thân mình to lớn đầy khắp trên chiếc giường đó, cả vạn người thọ hình cũng nằm trên chiếc giường đó, cũng tự thấy thân mình to lớn trải khắp trên chiếc giường đó, mà giữa người này và người nọ không cảm thấy bị chướng ngại nhau, tức là cả vạn người cũng như chỉ là một người; 3) Tất cả các loại hình phạt, các loại hình cụ (như núi đao, cây kiếm, nước sôi, chảo dầu v.v...) cứ liên tiếp nhau bỏ xuống tội nhân, không bao giờ gián đoạn; 4) Bất luận trời người quỷ thần, già trẻ trai gái, giàu nghèo sang hèn, hễ tạo tội địa ngục thì nhất định phải vào địa ngục để thọ quả báo đau khổ; do đó, số chúng sinh ở trong địa ngục không bao giờ gián đoạn, vì chúng sinh tạo nghiệp vô lượng; 5) Chúng sinh đã vào loại địa ngục này thì ngàn vạn kiếp khó thoát ra được; mà trong ngàn vạn kiếp đó, cứ mỗi ngày đêm lại phải trải qua vạn lần sinh ra, vạn lần chết đi, cứ sinh tử như thế, không bao giờ gián đoạn.

[27] Ma quân: Ma cũng gọi là ác ma, có nghĩa là giết hại, phá hoại, chướng ngại, cướp đoạt mạng sống, là từ dùng để chỉ chung cho các loài hung ác, chuyên cản trở các việc lành, phá hoại chánh pháp. Đó là những loại hung thần, ác quỷ, loại người tàn bạo, nham hiểm, đầy tham lam, hận thù, ngu si, là những thế lực độc ác, những phiền não, mê luyến, nghi ngờ v.v... thường nhiều hại chúng sinh. Nói chung, ma là tất cả các thế lực vô minh, luôn luôn tìm mọi cách cản trở người tu hành, làm gián đoạn con đường tiến đến giác ngộ giải thoát.

[28] Dạ-xoa: là một loại ác quỷ, cực kì hung hãn, chuyên ăn thịt người, thân thể nhẹ nhàng, có thể phi hành trên không.

[29] La-sát: cũng là một loại ác quỷ, gần giống như Dạ-xoa.

[30] Cưu-bàn-trà: là loại ác quỷ chuyên uống máu người.

[31] Tì-xá-xà: là loại ác quỷ chuyên hút tinh khí của người.

[32] Bộ-đa: là loại ác quỷ xuất hiện bằng cách hóa sinh, không có cha mẹ.

[33] 32 tướng đại tượng phu: tức là 32 tướng tốt của Phật.

[34] Các căn: ở đây chỉ cho sáu căn, tức toàn thể xác thân và tinh thần của con người, gồm có: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

[35] Ở đây có ý nói, dù là bậc vua chúa thì cũng thế mà thôi.

[36] Thọ kí: tức là đức Phật ấn chứng cho một người trong đời vị lai sẽ được thành Phật.

[37] Hai thừa: ở đây là chỉ cho thừa Thanh-văn và thừa Duyên-giác.

[38] Không rơi lọt: tức không rơi lọt vào vòng luân hồi sinh tử.

[39] Như huyễn, giải thoát và uy lực là ba đặc tính của cảnh giới Phật. Cảnh giới Phật là một cảnh giới thị hiện, đầy biến hóa màu nhiệm, cho nên nói là “như huyễn”; cảnh giới Phật hoàn toàn không có phiền não, lầm lỗi, cho nên nói là “giải thoát”; cảnh giới Phật thật uy nghiêm và đầy đủ công đức, cho nên nói là “uy lực”.

[40] Trưởng tử: tức là vị đệ tử có công phu tu tập viên mãn nhất, có đạo hạnh cao thượng nhất của Phật.

[41] Hành nghiệp: tức sự nghiệp tu hành.

[42] Phật Vô Lượng Quang: tức đức Phật A Di Đà.

[43] Một đời thành Phật (nhất sinh bồ xứ): Từ “nhất sinh bồ xứ”, gọi tắt là “bồ xứ” nguyên có nghĩa là kiếp luân hồi cuối cùng; tức là, chỉ một đời này là còn thuộc trong vòng luân hồi sinh tử, đời sau sẽ thành Phật ở thế gian, vĩnh viễn giải thoát khỏi vòng luân hồi. Đó là quả vị cao tột của hàng Bồ-tát, gọi là “Bồ-tát Đẳng-giác”, hoặc “Bồ-tát Bồ-xứ”. Đức Bồ-tát Di Lặc được xem là điển hình cho quả vị này. Đời hiện tại, Bồ-tát Di Lặc đang ngự tại cung trời Đâu-suất, cho đến hết đời này, đời sau Ngài sẽ hạ sinh ở nhân gian để thành Phật, nối tiếp pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni.

[44] Địa vị Quán-đảnh (Quán-đảnh vị): cũng tức là Đẳng-giác, địa vị cao nhất của hàng Bồ-tát trước khi thành Phật.

Hết